

Số: 126 /QĐ-TTPTQĐ

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất
do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật số 64/2020/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật số 24/2023/QH15; Luật số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15; Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTPTQĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên về việc Về việc phê duyệt đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTPTQĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên về việc Về việc phê duyệt đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác;

Căn cứ Thông báo số 118/TB-TTPTQĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên V/v cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác;

Căn cứ Biên bản xác định cá nhân, tổ chức được quyền thuê nhà ngày 08/7/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý và phát triển quỹ đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá cho thuê nhà tại Quyết định số 117/QĐ-TTPTQĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và Quyết định số 118/QĐ-TTPTQĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên để tổ chức thực hiện việc cho thuê nhà đối với **17** cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên quản lý, khai thác, cụ thể như sau:

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với phòng Hành chính – Tổng hợp niêm yết danh mục nhà đất cho thuê, giá niêm yết, giá sàn cho thuê tại trụ sở Trung tâm, tại các địa điểm có nhà, đất cho thuê, đồng thời đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng (Trang) thông tin điện tử của Trung tâm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng: Hành chính - Tổng hợp, Quản lý & Phát triển quỹ đất và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Trung tâm thông tin tỉnh (phối hợp);
- Lưu: VT, QLPTQĐ.

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Trữ

PHỤ LỤC 01: Danh mục điều chỉnh giảm 5% đơn giá cho thuê tại QĐ số Quyết định số 117/QĐ-TTPTQĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-TTPTQĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Đơn giá cho thuê nhà (theo Quyết định số 117/QĐ-TTPTQĐ ngày 01/7/2026) (đồng/m ² /tháng)		Giá cho thuê nhà đối với cơ sở nhà, đất theo điểm a, khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 giảm 5%		Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /năm)	Đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh (đồng/m ² /năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cơ sở nhà, đất Trụ sở Ủy ban mặt trận Tổ quốc thành phố (cũ), Phường Phan Đình Phùng	1.092,6	1.201,3	1.201,3	59.200	711.600	56.240	676.020	3
2	Cơ sở nhà, đất trụ sở Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (cũ), Phường Phan Đình Phùng	870,0	2.225,0	2.225,0	43.500	522.500	41.325	496.375	3
3	Cơ sở nhà đất của BHXH tỉnh Thái Nguyên, Phường Phan Đình Phùng	775,0	3.850,0	3.850,0	24.000	289.700	22.800	275.215	3
4	Cơ sở nhà, đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố Bắc Kạn (cũ), Phường Đức Xuân	971,1	180,0	180,0	50.800	609.300	48.260	578.835	3
5	Cơ sở nhà, đất trụ sở Sở Dân tộc Tôn giáo tỉnh Bắc Kạn (cũ), Phường Đức Xuân	1.056,0	966,3	966,3	20.500	246.600	19.475	234.270	3

PHỤ LỤC 02: Danh mục điều chỉnh giảm 5% đơn giá cho thuê tại QĐ số Quyết định số 118/QĐ-TTPTQĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-TTPTQĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)			Đơn giá cho thuê nhà (theo Quyết định số 118/QĐ-TTPTQĐ ngày 01/7/2026) (đồng/m ² /tháng)		Giá cho thuê nhà đối với cơ sở nhà, đất theo điểm a, khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 giảm 5% (đồng/m ² /tháng)		Thời hạn cho thuê nhà tối đa (năm)
		Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /năm)	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /tháng)	Đơn giá cho thuê nhà (đồng/m ² /năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn (cũ), xã Chợ Đồn	583,70	212,00	212,0	14.700	176.700	13.965	167.865	5
2	Trụ sở cơ quan Văn phòng Sở Công Thương, Phường Đức Xuân	1.973,0	1.020,0	1.020,0	56.000	672.500	53.200	638.875	5
3	Cơ sở nhà, đất của Thanh tra Sở Xây dựng Thái Nguyên (cũ). Địa chỉ: Xóm Đồng Xe, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên (cũ), Phường Quan Triều	4.524,7	174,3	174,3	276.900	3.323.700	263.055	3.157.515	5
4	Trụ sở Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ((Nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XI), Phường Bắc Kạn	563,0	215,0	215,0	45.700	548.600	43.415	521.170	5
5	Cơ sở nhà, đất Trụ sở Ủy ban mặt trận Tổ quốc thành phố (cũ) (tại tổ 11 phường Túc Duyên, TPTN cũ), Phường Phan Đình Phùng	1.653,0	2.268,0	2.268,0	19.900	238.700	18.905	226.765	5
6	Cơ sở nhà, đất Trụ sở UBND thị trấn Bằng Lũng (trước sắp xếp), xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	1.437,7	1.311,0	1.311,0	31.500	378.000	29.925	359.100	5
7	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 5), Phường Đức Xuân	2.000,0	3.109,0	3.109,0	26.500	318.400	25.175	302.480	5
8	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ), Phường Đức Xuân	1.580,0	1.843,0	1.843,0	13.400	160.800	12.730	152.760	5

9	Trạm Chăn nuôi và Thú y Đồng Hỷ cũ tại Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, Phường Linh Sơn	421,0	72,0	72,0	64.200	770.500	60.990	731.975	5
10	Cơ sở nhà đất: Hạt kiểm lâm thành phố Thái Nguyên- Sông Công (cũ), Phường Phan Đình Phùng	236,8	283,0	283,0	71.200	855.000	67.640	812.250	5
11	Trụ sở Hội Đông y, Phường Đức Xuân	367,5	197,0	197,0	33.200	398.900	31.540	378.955	5
12	Cơ sở hoạt động sự nghiệp của Trung tâm văn hóa và Thông tin tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập), Phường Bắc Kạn	15.783,6	8.221,0	8.221,0	37.100	445.200	35.245	422.940	5